

**KẾ HOẠCH CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG TRƯỜNG THCS
TOÀN THẮNG NĂM HỌC 2024 - 2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2394/SGDĐT-QLCL ngày 30/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên V/v hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT;

Thực hiện Công văn số 476/SGDĐT-QLCL ngày 02/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kim Động V/v hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT.

Trường THCS Toàn Thắng công khai trong trường học đầu năm học 2024 – 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục.

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
- Địa chỉ: Thôn Trương Xá, Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Email: c2toanthangkd.hungyen@moet.edu.vn

Website: c2toanthangkd.hungyen.edu.vn.

- Trường THCS Toàn Thắng là trường công lập thuộc quyền quản lý của UBND huyện Kim Động

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực.

Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Toàn Thắng, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu: Giữ vững chất lượng nhà trường thuộc top đầu về chất lượng đào tạo trong toàn huyện Kim Động

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Toàn Thắng được thành lập từ năm 1964, năm 1985 trường sáp nhập với trường cấp I Toàn Thắng. Đến năm 1992, trường tách ra thành 2 trường là Trường tiểu học Toàn Thắng và Trường THCS Toàn Thắng.

Nhà trường liên tục được tặng giấy khen Tập thể lao động tiên tiến, và luôn thuộc top đầu của huyện Kim Động về chất lượng đào tạo.

6. Thông tin người đại diện pháp luật.

Hiệu trưởng: Nguyễn Thái Dũng

Số điện thoại: 0984965239

Thư điện tử: nguyenthaidungtd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy.

Đồng chí Hiệu trưởng bổ nhiệm theo Quyết định Số 369/QĐ-CTUB của Chủ tịch UBND huyện Kim Động ngày 24/02/2020.

Đồng chí Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định Số 876/QĐ-CTUB của Chủ tịch UBND huyện Kim Động ngày 8/6/2020.

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi

hoạt động như sau: a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương. 4.070.678.000đ	100%	3.378.662.740
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục. 396.000.000đ	80%	316.800.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh năm học 2024 – 2025

a. Căn cứ thực hiện các khoản thu

Công văn số 1500/SGDĐT-KHTC ngày 01/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên hướng dẫn về việc thu, chi quản lý sử dụng học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2023-2024;

Công văn số 1852/SGDĐT-KHTC ngày 06/08/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu đầu năm học 2024 – 2025;

Công văn số 2049/SGDĐT-KHTC ngày 27/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công trong các cơ sở giáo dục công lập;

Công văn số 2160/SGDĐT-KHTC ngày 10/09/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện các khoản thu đầu năm học 2024 – 2025;

Công văn số 322/ PGD&ĐT ngày 08/07/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kim Động Về việc thực hiện Công văn số 1500/SGDĐT-KHTC ngày 01/7/2024;

Công văn số 420/ PGD&ĐT ngày 12/09/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kim Động Về việc Thực hiện và Báo cáo các khoản thu theo quy định.

b. Mức thu cụ thể.

- Học phí: 44.000đ/hs/tháng x 9 tháng = 396.000đ/HS/năm

- Tiền gửi xe:

+ Xe đạp: 7.000đ x 9 tháng = 63.000đ/HS

+ Xe đạp điện: 12.000đ x 9 tháng = 108.000đ/HS

- Tiền điện thấp sáng, quạt: Chờ văn bản hướng dẫn
- Tiền nước uống: $6.000đ \times 9 \text{ tháng} = 54.000 \text{ đ/HS}$
- Bảo hiểm y tế: $2.340.000 \text{ đ} \times 4,5\% \times 40\% \times 12 = 505.440 \text{ đ}$
- Tiền học thêm: 5.000đ/ tiết
- Đồng phục phối hợp với phụ huynh học sinh để phụ huynh mua cho các con theo quy định của nhà trường về màu sắc và kiểu dáng.
- Xã hội hoá: Nhà trường sẽ triển khai sau khi kế hoạch xã hội hoá được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quỹ Đại diện cha mẹ học sinh lớp (Trên tinh thần đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh: quỹ lớp).
- Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh trường (Trích từ quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Chính sách miễn, giảm học phí; Hỗ trợ chi phí học tập; Hỗ trợ tiền đóng học phí và phương thức chi trả trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2023-2024 thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Trong đó:

+ Từ năm học 2024 - 2025 đối tượng trẻ em mầm non 05 tuổi tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP được miễn học phí (*được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024*).

+ Từ năm học 2025 - 2026 đối tượng Học sinh trung học cơ sở tại khoản 9 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP được miễn học phí (*được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2025*)

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai định kỳ theo đúng quy định.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Cán bộ quản lý: 02;

Giáo viên: 22;

Nhân viên: 01.

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

- Cán bộ quản lý, nhân viên

T T	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Hiệu trưởng	1		1	1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	1	1			1		
3	Kế toán	0								
4	Văn thư	1	1	1	1			1		
5	Thủ quỹ	0								
6	Thư viện	0	0	0		0		0		
7	TB-PTH	0								
8	Y tế	0								
9	Bảo vệ	1			0	1				0
10	Phục vụ	0								

- Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Toán học	5	4	5	5	0	0	5	0	0
2	Ngữ văn	5	5	4	5	0	1	2	2	0
3	Tiếng Anh	2	2	1	2	0		2	0	0
4	Vật lý	1	1	0	1	0	0	1	0	0
5	Hóa học	1	1	1	1	0	0	1	0	0
6	Sinh học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Lịch sử	2	2	2	2	0	0	2	0	0
8	Địa lý	1	1	1	1	0	0	1	0	0
9	GDCD	1	1	1	1	0	0	1	0	0
10	Công nghệ	1	1	1	1	0	0	1	0	0
11	Thể dục	1	0	0	1	0	0	1	0	0
12	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Mỹ thuật	1	1	1	1	0	0	1	0	0

14	Tin học	1	1	0	1	0	0	1	0	0
----	---------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%;

- Giáo viên 20, đạt chuẩn 91%; giáo viên 02 chưa đạt chuẩn 9%.

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 02, đạt bồi dưỡng 100%;

- Giáo viên 22, đạt bồi dưỡng 100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung.

a. Diện tích khu đất xây dựng trường 7.510 m²,

Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 10.6m²; Đạt yêu cầu

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	14	
2	Phòng vi tính	1	
3	Phòng đồ dùng	1	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	
6	Phòng học bộ môn KHTN	2	
7	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	

8	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	
9	Phòng học bộ môn Mĩ thuật	1	
10	Phòng Ban giám hiệu	2	
11	Phòng Hội trường	1	
12	Phòng Y tế	1	
13	Phòng Đoàn đội	1	
14	Phòng Công đoàn	0	
15	Phòng Bảo vệ	1	
16	Nhà đa năng	1	
17	Sân thể thao	200m ²	
18	Tổng diện tích đất	7.510m ²	
19	Nhà xe giáo viên và học sinh	3	
20	Số máy vi tính	33	
21	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	5	
22	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	6	
23	Camera	50	
24	Thiết bị dạy và học cho K6,7,8,9/ khối	2	
25	Sách giá khoa 6,7,8,9/khối	2	

26	Sách tham khảo	2000 cuốn	
27	Internet	VNPT	

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính 25 chiếc;

Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet: 6 chiếc

Đảm bảo đủ điều kiện học tập

d. Danh mục sách giáo khoa lớp 9 năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Thuộc bộ sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Nhà xuất bản GD Việt Nam
3	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Công nghệ 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Nhà xuất bản GD Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa	Nhà xuất bản GD Việt Nam
7	Ngữ văn 9	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Lịch sử và Địa lí 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Lịch sử) Đào Ngọc Hùng (Địa lý)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục công dân 9	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)

10	Âm nhạc 9	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiền	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
11	Mĩ thuật 9	Chân trời sáng tạo bản 1	Nguyễn Thị Nhung	NXB Giáo dục Việt Nam.
12	Tiếng Anh 9	i-Learn-Smart World	Võ Đại Phúc	Công ty cổ phần TNHH Education Solutions Việt Nam NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia.

3.1. Kết quả đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.

a. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	

Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X

Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 3.

b. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Điều 22			
Khoản 1		X	
Khoản 2		X	
Khoản 3		X	
Khoản 4		X	
Khoản 5	X		
Khoản 6	X		

3.2. Kết quả đánh giá trường chuẩn quốc gia.

Trường THCS Toàn Thắng được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định Số 2811/QĐ – CTUBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên Về việc công nhận 08 trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông.

1. Kế hoạch giáo dục năm 2024 – 2025: Ban hành kế hoạch giáo dục Số 63/KH-THCSTT ngày 23/8/2024 của trường THCS Toàn Thắng, đăng tải trên webiste: c2toanthangkd.hungyen.edu.vn

Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

Phối hợp trong quản lí học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tháng	Tuần 1 đầu tháng	Tổng phụ trách – Hiệu trưởng – GVCN lớp
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	BCH Công đoàn
3	Chuyên đề Đội	Tháng 11	Nguyễn Thị Thủy
4	Hội khỏe Phù đổng	Tháng 11.12	Đỗ Văn Khương Nguyễn Thị Thủy
5	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn

6	Giới tính học đường	Tháng 3	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thu Trang
7	Chuyên đề ma túy học học đường, phòng cháy, An toàn giao thông	Tháng 12	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Thoan
8	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Tháng 11,12	Nguyễn Thị Thủy

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước.

a. Thông tin số lớp, số học sinh năm học 2024-2025.

Khối lớp	Số lớp, số học sinh			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chuyên đến	Số HS chuyên đi	Số HS thiếu số
	Số lớp	Số học sinh						
		Tổng số	Nữ					
6	4	184	85	0	0	0	2	1
7	5	226	108	0	0	2	2	1
8	3	147	70	0	0	1	3	0
9	3	149	82	0	0	2	4	1
Tổng	15	706	345	0	0	3	5	3

Kết quả xếp loại hạnh kiểm và rèn luyện năm học 2023 – 2024

a. Chỉ tiêu về kết quả rèn luyện

Tổng số học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %

518	358	69,11	121	23,36	35	6,76	4	0,77
-----	-----	-------	-----	-------	----	------	---	------

b. Chỉ tiêu về kết quả học tập

	Xuất sắc		Giỏi		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tổng số học sinh	4	0,77	52	24,07	212	40,92	246	47,49	4	0,77

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 128/128/ tỉ lệ 100%.

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024-2025 đạt 83%.

Trường THCS Toàn Thắng công khai trong trường học, đầu năm học 2024 – 2025.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Kim Động (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thái Dũng